

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 8
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn Sông Đà về Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/9/2016 về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 8/11/2016 là 238.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán TCK.

Địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 125D Phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Nam Hải	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Trịnh Nam Hải	Phụ trách Hội đồng Quản trị (Đến ngày 28/6/2021)
Ông Đào Đức Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng Ban (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Trần Thanh Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Bà Đinh Thị Hương	Thành viên
Bà Vũ Thị Thủy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2021)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Đức Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/6/2021)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thế Thủy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/7/2021)
Ông Nguyễn Hướng Dương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/7/2021)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

19173
TY
HH
TO
VIET
H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đào Đức Thọ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP được lập ngày 10/8/2021, từ trang 09 đến trang 51, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/6/2021, Tổng Công ty chưa trích lập đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi. Theo ước tính của Kiểm toán viên, số dự phòng phải thu khó đòi trích bổ sung số tiền khoảng 87,01 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2020 là 42 tỷ đồng). Điều này ảnh hưởng đến chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và khoản mục dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng đầu tư tài chính và lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cũng tăng thêm số tiền tương ứng.

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (Công ty con của Tổng Công ty) có khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Kim khí Hưng Thịnh Phát với giá trị 4.149.668.925 đồng và chi phí dở dang tại 30/6/2021: 1.191.914.904 đồng của công trình Nhà máy thổi thép do Công ty Cổ phần Kim khí Hưng Thịnh Phát làm chủ đầu tư không biến động trong nhiều năm, Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản công nợ phải thu nêu trên, cũng như giá trị thuần có thể thực hiện được của Công trình Nhà máy thổi thép. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại thời điểm ngày 31/12/2020 và ngày 30/6/2021, Các Công ty trong Tổng Công ty chưa thực hiện xử lý tài sản thiếu với giá trị là 2.066.843.794 đồng (chi tiết tại Thuyết minh số 5.7 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ). Với các bằng chứng hiện có, chúng tôi cũng không thể đưa ra được các điều chỉnh (nếu cần) liên quan đến chi tiêu này cũng như các chi tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

Do không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp cho số dư quỹ tiền mặt của Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Phát triển Nông thôn, Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của số dư tiền mặt tại ngày 30/6/2021 với tổng giá trị là 5.735.510.731 đồng (chi tiết tại Thuyết minh 5.1 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ).

Tại Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27 (Công ty con của Tổng Công ty) chưa thực hiện trích khấu hao của máy móc, thiết bị vào chi phí với giá trị là 706.161.039 đồng do Công ty tạm ngừng sản xuất kinh doanh từ năm 2020, điều này ảnh hưởng đến việc ghi nhận kết quả kinh doanh số tiền tương ứng;

Tại thời điểm 30/6/2021, trong số dư chi phí phải trả, có số dư trích trước từ nhiều năm trước của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27 (Công ty con của Tổng Công ty) số tiền là 1.137.670.376 đồng, khoản chi phí này chưa được chi trả và hoàn ứng. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng đầy đủ và thích hợp đối với các khoản chi phí phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai (COMA 8) (Công ty con của Tổng Công ty): Chúng tôi không đưa ra ý kiến kết luận nhận xét về việc tính giá thành sản phẩm cũng như việc tính toán giá trị dở dang tại ngày 30/06/2021 là 3.202.989.697 VND của Công ty. Ngoài ra Công ty chưa thực hiện xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho làm căn cứ trích lập dự phòng theo quy định hiện hành; Chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc ghi nhận và trích khấu hao với thời gian là 44 năm kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2015 đối với tài sản " Giá trị khai thác sinh lời của bất động sản" với nguyên giá 7.887.496.364 VND, khấu hao trong 6 tháng đầu năm 2021 là 89.630.640 VND và khấu hao lũy kế đến ngày 30/06/2021 là 1.148.008.889 VND được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán.

Theo Quyết định số 294/QĐ-UBND của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 14/02/2020 về việc phê duyệt đơn giá đất để tính tiền sử dụng đất của dự án Khu nhà ở Decoimex mở rộng tại phường 6 và phường 9, thành phố Vũng Tàu và Thông báo số 195/4/TB-CCT của Chi Cục thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo ngày 11/01/2021 thông báo tiền sử dụng đất và tiền chậm nộp đến ngày 31/12/2020 là 204.726.734.966 đồng, trong đó tiền sử dụng đất nợ và 139.720.567.156 đồng và tiền chậm nộp là 65.066.167.810 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa chấp nhận nộp khoản tiền sử dụng đất nợ và tiền chậm nộp do Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo tính tiền sử dụng đất trên cả diện tích công cộng và Công ty đã có Văn bản phản hồi đến cơ quan thuế. Do vậy, số liệu liên quan tiền sử dụng đất này được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo Quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 - Chính sách kế toán áp dụng, cơ sở lập Báo cáo tài chính, bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tại ngày 30/6/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 271.116.140.176 VND. Tổng Công ty có lỗ trong kỳ với số tiền 3.157.697.103 VND và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 9.941.288.465 VND. Tổng Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2021 là 324.477.507.076 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 324.477.507.076 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Tổng Công ty nhận được Quyết định số 64978/QĐ-CT-QLN ngày 13/7/2020, Quyết định số 92609/QĐ-CT-QLN ngày 21/10/2020, Quyết định số 1783/QĐ-CTHN-QLN ngày 14/01/2021 của Cục thuế thành phố Hà Nội; Quyết định số 4803/QĐ-CT ngày 17/6/2021 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cưỡng chế Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27); Quyết định số 1802/QĐ-CT ngày 23/7/2021 của Cục Thuế Thanh Hóa (cưỡng chế Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu) về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn. Đến thời điểm này thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 - Chính sách kế toán áp dụng, cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần ngày 08/11/2016. Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, công tác bàn giao phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần chưa được hoàn thành. Do vậy, số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo soát xét ngày 30/9/2020 với kết luận ngoại trừ về Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi, tài sản thiếu chờ xử lý và số dư quỹ tiền mặt của Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ Phát triển Nông thôn, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán ngày 04/6/2021 từ chối đưa ra ý kiến do kiểm toán viên tiền nhiệm không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp về tính đầy đủ, tính giá trị, tính hiện hữu cũng như khả năng hoạt động liên tục của một số Công ty con đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập khác, tổng giá trị tài sản của các Công ty con chiếm trên 60% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty và Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi số tiền là 42 tỷ đồng. Tại Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét, Kiểm toán viên đã thực hiện các thủ tục soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của các Công ty con theo Chuẩn mực số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam có liên quan.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2021

1917
CÔNG TY
THÀNH PHỐ
HÀ NỘI
VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		734.829.120.658	720.663.088.795
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	14.644.664.636	22.827.671.467
1. Tiền	111		14.644.664.636	21.077.671.467
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.750.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.968.529.219	5.944.529.219
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.968.529.219	5.944.529.219
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		268.620.666.165	273.383.174.903
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	233.229.127.365	251.661.938.581
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	38.127.561.938	30.358.370.338
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		500.000.000	500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	199.726.768.700	195.329.322.146
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(205.029.635.632)	(206.533.299.956)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	2.066.843.794	2.066.843.794
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	435.394.173.266	412.600.157.631
1. Hàng tồn kho	141		435.394.173.266	412.600.157.631
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.201.087.372	5.907.555.575
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	2.401.099.991	163.011.771
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.265.860.659	3.197.631.878
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	2.534.126.722	2.546.911.926
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+ 220+230+240+250+260)	200		219.446.602.338	222.658.595.321
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.104.148.102	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.104.148.102	-
II. Tài sản cố định	220		172.902.649.682	177.112.088.090
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	149.694.050.298	153.789.333.148
- Nguyên giá	222		367.528.212.274	371.879.579.051
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(217.834.161.976)	(218.090.245.903)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	23.208.599.384	23.322.754.942
- Nguyên giá	228		29.127.587.580	29.127.587.580
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.918.988.196)	(5.804.832.638)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	710.254.869	770.082.615
1. Nguyên giá	231		1.743.917.180	1.743.917.180
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.033.662.311)	(973.834.565)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.12	8.947.054.862	8.915.700.874
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		8.038.104.359	8.038.104.359
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		908.950.503	877.596.515
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	33.464.572.509	33.464.572.509
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12.961.106.427	12.961.106.427
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.697.858.682	21.697.858.682
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.194.392.600)	(1.194.392.600)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.317.922.314	2.396.151.233
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	2.317.922.314	2.396.151.233
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		954.275.722.996	943.321.684.116

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.013.165.055.805	1.000.442.662.858
I. Nợ ngắn hạn	310		1.005.945.260.834	992.682.823.362
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	129.697.483.739	119.539.418.177
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	163.412.353.454	162.520.507.775
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	139.943.458.601	139.217.898.427
4. Phải trả người lao động	314		12.068.933.825	14.977.601.953
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	209.025.956.800	209.601.573.128
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		777.804.557	2.218.863.639
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	186.935.678.056	182.779.747.269
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	162.945.233.149	160.635.006.730
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		800.198.675	806.389.478
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		338.159.978	385.816.786
II. Nợ dài hạn	330		7.219.794.971	7.759.839.496
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		3.200.012.596	2.712.773.505
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	41.150.000	41.150.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	3.605.229.282	4.632.512.898
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		373.403.093	373.403.093
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(58.889.332.809)	(57.120.978.742)
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	(61.765.940.131)	(59.997.586.064)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.500.000.000	238.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		238.500.000.000	238.500.000.000
6. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		(7.239.335.640)	(7.239.335.640)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.825.312.364	7.809.157.016
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		10.946.368.209	10.946.368.209
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		149.953.433	149.953.433
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(324.477.507.077)	(323.212.517.439)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(321.400.220.474)	(313.595.612.760)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.077.286.603)	(9.616.904.679)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		64.000.000	64.000.000
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.465.268.580	12.984.788.357
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.876.607.322	2.876.607.322
1. Nguồn kinh phí	431		2.876.607.322	2.876.607.322
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		954.275.722.996	943.321.684.116
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Kiều Thị Nguyệt Nga

Phụ trách Phòng TCKT



Lê Thị Linh Chi

Tổng Giám đốc



Đào Đức Thọ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	129.274.632.668	155.155.281.020
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	15.030.000	20.809.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	129.259.602.668	155.134.472.020
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	103.726.866.466	127.913.574.177
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		25.532.736.202	27.220.897.843
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	109.361.920	405.681.431
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.911.731.164	5.535.869.282
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.603.932.778	5.458.319.162
8. Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.667.785.933	1.633.369.206
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	20.116.830.710	20.521.195.316
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(1.054.249.685)	(63.854.530)
12. Thu nhập khác	31	6.6	1.120.618.721	1.409.682.419
13. Chi phí khác	32	6.6	2.785.401.352	3.882.877.571
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(1.664.782.631)	(2.473.195.152)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(2.719.032.316)	(2.537.049.682)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	200.771.390	326.986.637
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(2.919.803.706)	(2.864.036.319)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		(3.157.697.103)	(2.670.635.335)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		237.893.397	(193.400.984)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(132)	(112)

Người lập biểu



Kiều Thị Nguyệt Nga

Phụ trách Phòng TCKT



Lê Thị Linh Chi

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đào Đức Thọ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.719.032.316)	(2.537.049.682)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		4.412.094.245	6.727.386.406
- Các khoản dự phòng	03		(6.190.803)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(132.067.122)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(828.976.389)	(970.750.672)
- Chi phí lãi vay	06		4.603.932.778	5.458.319.162
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.461.827.515	8.545.838.092
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.930.877.841	23.500.514.131
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22.794.015.635)	18.201.444.697
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.162.115.655	(9.221.059.358)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.159.859.301)	(3.107.211.197)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.078.836.531)	(8.574.522.435)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(394.685.537)	(467.228.207)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(68.712.472)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.941.288.465)	28.877.775.723
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(174.182.079)	(42.654.557)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		724.114.469	697.136.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.000.000)	(5.903.370.328)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.682.947.917
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.995.941	273.614.309
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		544.928.331	(2.292.326.296)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ cho vay	33		71.868.896.883	73.992.973.999
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(70.585.954.080)	(98.832.738.064)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(69.589.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.213.353.303	(24.839.764.065)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(8.183.006.831)	1.745.685.362
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	22.827.671.467	23.542.863.779
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	132.067.122
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	14.644.664.636	25.420.616.263

92791
CÔNG TY
CƠ KHÍ
XÂY DỰNG
KIỂM TRA
CPA V
H PH

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Phụ trách Phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Kiều Thị Nguyệt Nga

Lê Thị Linh Chi

Đào Đức Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSĐ-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn Sông Đà về Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/9/2016 về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 8/11/2016 là 238.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán TCK.

Địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 125D Phố Minh Khai - Phường Minh Khai - Q. Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại ;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân kỹ thuật các chuyên ngành cơ khí, xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng làm việc;
- Thăm tra thiết kế, tư vấn đấu thầu và thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, quản lý dự án;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đương bộ, lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát lắp đặt hệ thống điện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Thiết kế hệ thống điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án phát triển cơ khí, vật liệu xây dựng, điện, hạ tầng viễn thông, dầu khí, các dự án công nghiệp, dân dụng, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, bao gồm: lập và thẩm tra dự án đầu tư;
- Thi công xây lắp công trình công nghiệp dân dụng giao thông (đường bộ, đường sắt, bến cảng), thủy lợi (công trình trạm bơm, kênh mương, đê kè, hồ đập), cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; thi công các hệ thống điện công nghiệp, điện điều khiển và điện dân dụng, công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Thi công lắp đặt các dây chuyền thiết bị đồng bộ;
- Dịch vụ vận tải, xếp dỡ;
- Sản xuất vật liệu cho ngành điện, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất dây truyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Sản xuất, phân phối điện;
- Kinh doanh dây chuyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Giáo dục mầm non;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Dịch vụ hỗ trợ hợp nhất;
- Dịch vụ hành chính văn phòng hợp nhất./.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Xây lắp hạ tầng và cho thuê văn phòng, gia công lắp đặt....

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Từ đầu năm 2020 đến 6 tháng năm 2021 đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ trước thì doanh thu và kết quả hoạt động kỳ 6 tháng năm 2021 của Tổng Công ty cũng bị sụt giảm đáng kể. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Tổng Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có các Công ty con, liên doanh, liên kết và các đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Bắc Giang	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	51,38%	51,38%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Thái Bình	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	53,61%	53,61%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Thanh Hoá	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	51,39%	51,39%
Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Hà Nội	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại (Khóa cửa, tiêu ngũ kim, kết cấu thép và các phụ kiện cơ khí khác)	67,47%	67,47%
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	51,54%	51,54%
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)	Hà Nội	Xây dựng nhà để ở	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	Bà Rịa - Vũng Tàu	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	100,00%	100,00%
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				
Công ty TNHH Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Hà Nội	Sản xuất đồng hồ	31,00%	31,00%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại	20,00%	20,00%

Các đơn vị phụ thuộc tính đến ngày 30/6/2021 gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
COMA 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tổ dân phố 4, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
COMA 15 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tầng 09 tòa nhà COMA, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Trung tâm Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tầng 13 tòa nhà COMA, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Nhà máy cơ khí Quang Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Lô 4 Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc đến ngày 30/6/2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP, các Công ty con là Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2), Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16), Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17), Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai (COMA 8), Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL), Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27), Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn.

Quyết toán cổ phần hóa

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 08/11/2016. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2021 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa nhận được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ các cơ quan có thẩm quyền.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30/6/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 271.116.140.176 VND. Công ty có lỗ trong kỳ với số tiền 3.157.697.103 VND và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 9.941.288.465 VND. Tổng Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kể đến ngày 30/6/2021 là 324.477.507.076 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 324.477.507.076 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ Công ty mẹ/các chủ đầu tư, khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tổng Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động
- Tổng Công ty đã thanh toán được các khoản nợ vay ngân hàng, các hoạt động dịch vụ cho thuê nhà và dịch vụ hiệu quả cao bù đắp được cho hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty ... làm tiền đề Tổng Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh ổn định trong thời gian tới.

Ban Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với doanh nghiệp hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa).

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 11
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm kế toán được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là phần diện tích Nhà cửa vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	07 - 10

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

917
3 TY
NH
KIỂM
GPA
4 PI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh cung cấp dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, hoạt động cung cấp dịch vụ, bán hàng, gia công lắp đặt và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt (*)	7.256.685.536	8.674.183.781
Tiền gửi ngân hàng	7.387.979.100	12.403.487.686
Các khoản tương đương tiền	-	1.750.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	1.750.000.000
Tổng	14.644.664.636	22.827.671.467

(*): Chi tiết số dư tiền mặt tại thời điểm 30/6/2021 của các Công ty như sau:	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	899.181.856	567.635.484
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	1.515.398.856	2.314.113.146
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	246.602.996	271.299.659
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	41.583.971	92.407.015
Công ty CP Khóa Minh Khai (COMA 8)	17.680.406	169.385.937
Công ty CP Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	263.645.473	517.176.736
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)	52.480.103	44.802.189
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	4.220.111.875	4.697.363.615
Tổng	7.256.685.536	8.674.183.781

5.2 Đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	5.968.529.219	5.968.529.219	5.944.529.219	5.944.529.219
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.968.529.219	5.968.529.219	5.944.529.219	5.944.529.219
Tổng	5.968.529.219	5.968.529.219	5.944.529.219	5.944.529.219

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP

Số 125D Minh Khai, phường Minh Khai,

quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			12.961.106.427	-	-	12.961.106.427
Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	31,00%	31,00%	1.565.090.612	-	-	1.565.090.612
Công ty cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	20,00%	20,00%	11.396.015.815	-	-	11.396.015.815
Đầu tư vào đơn vị khác			21.697.858.682	(1.194.392.600)	(1.194.392.600)	21.697.858.682
Công ty CP COMA Đầu tư kinh doanh Bất động Sản (COMARE)			562.478.011	(562.478.011)	(562.478.011)	562.478.011
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 10	9,54%	9,54%	500.000.000	-	-	500.000.000
Công ty CP Thủy điện Hương Sơn	0,42%	0,42%	1.107.569.300	(37.118.300)	(37.118.300)	1.107.569.300
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 5	4,09%	4,09%	748.442.503	-	-	748.442.503
Công ty CP Cơ khí xây dựng Đại Mỗ (COMA 6)	9,70%	9,70%	7.246.146.943	-	-	7.246.146.943
Công ty CP Tư vấn xây dựng và Phát triển cơ khí	10,00%	10,00%	500.000.000	(46.246.289)	(46.246.289)	500.000.000
Công ty cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25	12,6%	12,6%	10.238.221.925	-	-	10.238.221.925
Công ty cổ phần Xi măng Hồng Phong			795.000.000	(548.550.000)	(548.550.000)	795.000.000
Tổng			34.658.965.109	(*) (1.194.392.600)	(1.194.392.600)	34.658.965.109

(*): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn được xác định theo giá trị niêm yết tại ngày 30/6/2021 là 1.379.692.400 đồng. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư khác do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.3 Phải thu khách hàng

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	233.229.127.365	251.661.938.581
Tổng thầu (EPC) liên danh nhà thầu SINOMA - BAT	34.472.561.394	34.472.561.394
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Việt Nam	14.299.457.169	14.299.457.169
- Phải thu các đối tượng khác	184.457.108.802	202.889.920.018
Tổng	233.229.127.365	251.661.938.581

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	38.127.561.938	30.358.370.338
Công ty cổ phần Cơ khí Xây lắp điện và Phát triển Hạ tầng	-	3.468.145.328
Công ty CP XL và Thương mại - COMA 25	4.950.548.824	4.950.548.824
Công ty CP CKXD số 2.6 - COMA26	5.227.989.683	5.543.460.572
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ngãi Cầu	5.565.093.171	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	22.383.930.260	16.396.215.614
Tổng	38.127.561.938	30.358.370.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Ngắn hạn	199.726.768.700	(124.264.923.710)	195.329.322.146	(113.550.116.512)
- Phải thu khác	161.513.806.039	(123.522.620.442)	161.455.487.572	(112.680.036.188)
+ Công ty Cơ khí và Xây lắp số 7 (COMA7)	40.793.667.708	(40.793.667.708)	40.793.667.708	(40.793.667.708)
+ Công ty CP xây dựng và lắp máy điện nước số 3 (COMA3)	41.882.768.212	(41.652.237.988)	41.882.768.212	(41.652.237.988)
+ Công ty CP cơ khí lắp máy điện & PT hạ tầng (COMA 18)	22.945.227.969	(22.945.227.969)	22.945.227.969	(22.945.227.969)
+ Sở Tài chính Hà Nội (Nộp tiền đặc cọc sử dụng khu đô thị Cầu Giấy)	7.636.000.000	-	7.636.000.000	-
+ Công ty CP Xây lắp và Thương mại (COMA 25)	5.576.900.451	(4.377.968.242)	5.576.900.451	(4.377.968.242)
+ Phải thu đội thi công Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp điện nước (Comael)	22.717.473.021	-	22.313.121.519	-
+ Phải thu đối tượng khác	54.066.754.348	(13.753.518.535)	20.307.801.713	(2.910.934.281)
Tạm ứng	31.407.790.477	(742.303.268)	27.574.870.126	(870.080.324)
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.805.172.184	-	6.298.964.448	-
Dài hạn	1.104.148.102	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	1.104.148.102	-	-	-
Tổng	200.830.916.802	(124.264.923.710)	195.329.322.146	(113.550.116.512)

Trong đó

Phải thu khác là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

209.200.000

309.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.6 Nợ xấu

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	262.518.178.940	57.488.543.308	342.508.542.335	135.975.242.379
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tổng thầu (EPC) liên danh nhà thầu SINOMA - BAT</i>	34.472.561.394	-	34.472.561.394	-
<i>Công ty XD và LMDN số 3 (COMA3)</i>	41.882.768.212	230.530.224	41.882.768.212	230.530.224
<i>Công ty Cơ khí và Xây lắp số 7 (COMA7)</i>	39.969.235.290	-	39.969.235.290	-
<i>Các đối tượng khác</i>	146.193.614.044	57.258.013.084	226.183.977.439	135.744.712.155

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	79.761.661	79.761.661
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp điện nước (Comael)	1.389.485.642	1.389.485.642
Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai (Coma 8)	597.596.491	597.596.491
Tổng	2.066.843.794	2.066.843.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.8 Hàng tồn kho

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.214.599.152	-	13.762.335.919	-
Công cụ, dụng cụ	377.726.704	-	415.582.354	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	404.388.315.523	-	380.828.750.394	-
Thành phẩm	4.510.537.721	-	4.722.477.769	-
Hàng hóa bất động sản (**)	10.201.126.333	-	10.201.126.333	-
Hàng gửi bán	2.701.867.833	-	2.669.884.862	-
Tổng	435.394.173.266	-	412.600.157.631	-

(*): Trong đó chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dự án bất động sản của Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất Nhập khẩu và Dịch vụ Phát triển Nông thôn tại ngày 30/6/2021 và ngày 01/01/2021 lần lượt là 238.376.364.410 đồng và 237.582.950.808 đồng.

(**): Hàng hóa bất động sản là giá trị 2 căn hộ tại tòa nhà Westa, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và 1 căn liền kề tại dự án Skylight Minh Khai. Hai căn hộ tại tòa nhà Westa chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	254.095.250.396	87.007.055.059	20.207.741.574	9.948.298.803	621.233.219	371.879.579.051
Tăng trong kỳ	58.924.091	-	83.904.000	-	-	142.828.091
Mua trong kỳ	58.924.091	-	83.904.000	-	-	142.828.091
Giảm trong kỳ	245.700.000	3.270.568.860	977.926.008	-	-	4.494.194.868
Thanh lý, nhượng bán	245.700.000	3.270.568.860	977.926.008	-	-	4.494.194.868
Số dư tại 30/6/2021	253.908.474.487	83.736.486.199	19.313.719.566	9.948.298.803	621.233.219	367.528.212.274
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2021	112.208.714.338	77.136.081.476	18.445.144.302	9.803.319.195	496.986.592	218.090.245.903
Tăng trong kỳ	2.999.543.099	978.395.891	216.930.108	35.979.735	7.262.108	4.238.110.941
Khấu hao trong kỳ	2.999.543.099	978.395.891	216.930.108	35.979.735	7.262.108	4.238.110.941
Giảm trong kỳ	245.700.000	3.270.568.860	977.926.008	-	-	4.494.194.868
Thanh lý, nhượng bán	245.700.000	3.270.568.860	977.926.008	-	-	4.494.194.868
Số dư tại 30/6/2021	114.962.557.437	74.843.908.507	17.684.148.402	9.839.298.930	504.248.700	217.834.161.976
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	141.886.536.058	9.870.973.583	1.762.597.272	144.979.608	124.246.627	153.789.333.148
Tại ngày 30/6/2021	138.945.917.050	8.892.577.692	1.629.571.164	108.999.873	116.984.519	149.694.050.298

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/6/2021 là 41.265.522.352 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 27.471.851.690 VND).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2021 là 66.496.628.516 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 71.528.485.480 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu tên thương mại	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	27.860.977.260	950.000.000	208.450.000	108.160.320	29.127.587.580
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2021	27.860.977.260	950.000.000	208.450.000	108.160.320	29.127.587.580
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	4.566.191.078	950.000.000	180.481.240	108.160.320	5.804.832.638
Tăng trong kỳ	111.030.560	-	3.124.998	-	114.155.558
Khấu hao trong kỳ	111.030.560	-	3.124.998	-	114.155.558
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2021	4.677.221.638	950.000.000	183.606.238	108.160.320	5.918.988.196
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	23.294.786.182	-	27.968.760	-	23.322.754.942
Tại ngày 30/6/2021	23.183.755.622	-	24.843.762	-	23.208.599.384

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2021 là 1.058.160.320 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.058.160.320 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.11 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	1.743.917.180	-	-	1.743.917.180
- Nhà	1.743.917.180	-	-	1.743.917.180
Giá trị hao mòn lũy kế	973.834.565	59.827.746	-	1.033.662.311
- Nhà	973.834.565	59.827.746	-	1.033.662.311
Giá trị còn lại	770.082.615	(59.827.746)	-	710.254.869
- Nhà	770.082.615	(59.827.746)	-	710.254.869

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là phần diện tích Nhà cửa vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê tại Công ty con.

- Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính (thời gian khấu hao phân bổ 07-10 năm).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 30/6/2021, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty, tuy nhiên dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này và giá trị thị trường, Tổng Công ty đánh giá rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này đang cao hơn giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ.

7917
 X
 H
 M T O
 H
 H O

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.12 Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn (*)	8.038.104.359	-	8.038.104.359	-
DA - Nhiệt điện Hongsa (LAOS)	3.322.678.848	-	3.322.678.848	-
Dự án nút giao Long Biên-Hà Nội	2.664.735.573	-	2.664.735.573	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dự án Coma 1	2.050.689.938	-	2.050.689.938	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	908.950.503	908.950.503	877.596.515	877.596.515
+ Công trình dự án 11E6 Phạm Hùng	191.052.531	191.052.531	191.052.531	191.052.531
+ Công trình đường nước sạch 71 Cỏ Bi	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000
+ Thiết bị PCCC	-	-	73.920.000	73.920.000
+ Xây dựng cơ bản dở dang Coma 2	533.085.582	533.085.582	464.440.236	464.440.236
+ Làm CT cây xăng, Làm tường rào	36.628.642	36.628.642	-	-
+ Sửa chữa lớn TSCĐ	88.183.748	88.183.748	88.183.748	88.183.748
Tổng	8.947.054.862	908.950.503	8.915.700.874	877.596.515

(*): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là các công trình tồn đọng được phân loại từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn và Tổng Công ty chưa đánh giá tồn thất tại ngày 30/6/2021.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.13 Chi phí trả trước

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	2.401.099.991	163.011.771
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	21.296.441	37.394.723
Chi phí mua bảo hiểm	10.107.268	21.039.894
Chi phí tiền thuê đất	1.764.878.628	-
Chi phí khác	604.817.654	104.577.154
Dài hạn	2.317.922.314	2.396.151.233
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	793.135.721	829.299.922
Chi phí sửa chữa	583.911.574	411.408.250
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	700.515.281	800.000.000
Chi phí thương hiệu	93.910.000	93.910.000
Chi phí khác	146.449.738	261.533.061
Tổng	4.719.022.305	2.559.163.004

5.14 Phải trả người bán

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	129.697.483.739	129.697.483.739	119.539.418.177	119.539.418.177
Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 26 (Coma 26)	15.516.296.880	15.516.296.880	13.249.225.672	13.249.225.672
Phải trả cho các đối tượng khác	114.181.186.859	114.181.186.859	106.290.192.505	106.290.192.505
Tổng	129.697.483.739	129.697.483.739	119.539.418.177	119.539.418.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Người mua trả tiền trước

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	163.412.353.454	162.520.507.775
Khách hàng mua bất động sản dự án khu nhà ở Decoimex mở rộng	135.119.104.232	134.553.200.232
Công ty cổ phần Năng lượng Sơn Vũ	859.938.683	3.446.918.019
Các khoản người mua trả tiền trước khác	27.433.310.539	24.520.389.524
Tổng	163.412.353.454	162.520.507.775

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021	Đơn vị tính: VND
Phải nộp	139.217.898.427	15.282.351.000	14.556.790.826	139.943.458.601	
Thuế giá trị gia tăng	29.033.987.964	4.842.229.597	3.862.733.365	30.013.484.196	
Thuế thu nhập doanh nghiệp + <i>Phát sinh trong kỳ</i>	5.644.715.742	220.956.082	414.870.229	5.450.801.595	
+ <i>Truy thu các năm trước</i>	5.644.715.742	200.771.390	394.685.537	5.450.801.595	
Thuế thu nhập cá nhân	-	20.184.692	20.184.692	-	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	834.032.531	151.367.491	40.926.409	944.473.613	
Thuế môn bài	37.873.769.185	8.951.345.243	7.339.130.930	39.485.983.498	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	26.000.000	26.000.000	-	
	65.831.393.005	1.090.452.587	2.873.129.893	64.048.715.699	
Phải thu	2.546.911.926	13.785.204	1.000.000	2.534.126.722	
Thuế XNK	10.613.473	-	-	10.613.473	
Thuế thu nhập cá nhân	19.667.873	13.785.204	-	5.882.669	
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	1.002.580	-	-	1.002.580	
Thuế môn bài	-	-	1.000.000	1.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Chi phí phải trả

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	209.025.956.800	209.601.573.128
Trích trước chi phí lãi vay	13.895.891.172	14.092.729.834
Trích trước chi phí dự án tòa nhà Skylight	33.086.509.320	33.086.509.320
Trích trước chi phí các công trình	15.642.310.799	19.115.344.131
Tiền sử dụng đất dự án tại Công ty TNHH MTV Sản xuất - XNK và dịch vụ phát triển Nông thôn (*)	142.346.785.236	142.346.785.236
Trích trước chi phí khác	4.054.460.273	960.204.607
Tổng	209.025.956.800	209.601.573.128

(*): Theo Quyết định số 294/QĐ-UBND của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 14/02/2020 về việc phê duyệt đơn giá đất để tính tiền sử dụng đất của dự án Khu nhà ở Decoimex mở rộng tại phường 6 và phường 9, thành phố Vũng Tàu và Thông báo số 195/4/TB-CCT của Chi Cục thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo ngày 11/01/2021 thông báo tiền sử dụng đất và tiền chậm nộp đến ngày 31/12/2020 là 204.726.734.966 đồng, trong đó tiền sử dụng đất nợ và 139.720.567.156 và tiền chậm nộp là 65.066.167.810 đồng. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa chấp nhận nộp khoản tiền sử dụng đất nợ và tiền chậm nộp do Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo tính tiền sử dụng đất trên cả diện tích công cộng và Tổng Công ty đã có Văn bản phản hồi đến cơ quan thuế. Do vậy, số liệu liên quan tiền sử dụng đất này được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo Quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

791
14
TỔ
VIỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.18 Phải trả khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	186.935.678.056	182.779.747.269
Kinh phí công đoàn	3.896.860.644	2.198.134.452
Bảo hiểm xã hội	25.727.561.522	24.840.277.664
Bảo hiểm y tế	270.946.813	-
Bảo hiểm thất nghiệp	262.573.042	-
Phải trả về cổ phần hóa	1.400.615.110	1.700.615.110
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	562.000.000	100.000.000
Phải trả, phải nộp khác	154.815.120.925	153.940.720.043
<i>Phải trả đối tác liên doanh dự án Skylight</i>	<i>31.778.674.503</i>	<i>31.778.674.503</i>
<i>Lợi nhuận phải trả thành phố - dự án Skylight (*)</i>	<i>49.466.065.630</i>	<i>49.466.065.630</i>
<i>Phí bảo trì chung cư Skylight</i>	<i>10.201.687.401</i>	<i>11.851.687.401</i>
<i>Phải trả đội thi công xây lắp tại Comael</i>	<i>18.050.553.417</i>	<i>16.206.526.944</i>
<i>Huy động vốn mua nhà liền kề</i>	<i>2.677.500.000</i>	<i>2.677.500.000</i>
<i>Huy động vốn mua cổ phần xi măng Đồng Bành</i>	<i>4.505.000.000</i>	<i>4.505.000.000</i>
<i>Huy động vốn Thủy điện Hương Sơn</i>	<i>560.000.000</i>	<i>560.000.000</i>
<i>Tiền lãi phải trả huy động vốn cá nhân</i>	<i>3.200.726.521</i>	<i>2.830.728.600</i>
<i>Tiền lãi phải trả Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2.6</i>	<i>1.972.192.354</i>	<i>1.620.255.366</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>32.402.721.099</i>	<i>32.444.281.599</i>
Dài hạn	41.150.000	41.150.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	41.150.000	41.150.000
Tổng	186.976.828.056	182.820.897.269
Phải trả các bên liên quan	159.480.000	185.082.000

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

(*) Là khoản phân chia lợi nhuận dự án “khu nhà ở cao cấp Skylight” theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐQT ngày 06/05/2015 của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP về việc phê duyệt điều chỉnh phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 của Tổng Công ty và Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, dự án Skylight vẫn chưa có phê duyệt quyết toán chính thức và chưa thống nhất được với thành phố về đơn giá tiền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn	162.945.233.149	162.945.233.149	72.620.896.883	70.310.670.464	160.635.006.730
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Đông (1)	3.811.141.103	3.811.141.103	3.811.141.103	-	-
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 26 (2)	15.200.000.000	15.200.000.000	-	-	15.200.000.000
Bộ Xây dựng (3)	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000
Các khoản vay cá nhân (4)	45.023.693.609	45.023.693.609	21.748.309.692	23.221.521.884	46.496.905.801
Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Bắc Giang	14.971.791.500	14.971.791.500	8.874.658.459	8.901.658.459	14.998.791.500
Ngân hàng TMCP SHB Hà Nội - Chi nhánh Bắc Ninh	4.564.708.859	4.564.708.859	-	-	4.564.708.859
Ngân hàng Quân đội - CN Bắc Giang	14.827.354.366	14.827.354.366	20.150.194.222	16.568.465.538	11.245.625.682
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	2.169.905.110	2.169.905.110	5.229.258.760	8.825.256.991	5.765.903.341
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1	475.330.870	475.330.870	475.330.870	844.295.988	844.295.988
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và PTNT Triệu Sơn	15.999.680.196	15.999.680.196	-	-	15.999.680.196
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nghi Sơn	18.238.800.557	18.238.800.557	11.580.003.777	11.303.128.129	17.961.924.909
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và PTNT Triệu Sơn	1.595.656.525	1.595.656.525	752.000.000	646.343.475	1.490.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội	20.867.170.454	20.867.170.454	-	-	20.867.170.454
Vay dài hạn	3.605.229.282	3.605.229.282	-	1.027.283.616	4.632.512.898
Ngân hàng Quân đội - CN Bắc Giang	963.493.282	963.493.282	-	275.283.616	1.238.776.898
Quỹ dự trữ tài chính tỉnh Thái Bình	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Vốn khuyến nông	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội	180.000.000	180.000.000	-	-	180.000.000
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và PTNT Triệu Sơn	1.161.736.000	1.161.736.000	-	752.000.000	1.913.736.000
Tổng	166.550.462.431	166.550.462.431	72.620.896.883	71.337.954.080	165.267.519.628

Trong đó:

Vay các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

6.980.000.000

6.980.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

(1) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 56/2021/HDHM-PN/SHB.112000 ngày 02/02/2021 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội. Hạn mức cấp tín dụng tối đa: 12.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh trong nước; Bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng và bảo lãnh bảo hành để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm kế hoạch. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng, (từ ngày 02/02/2021 đến 02/02/2022). Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay được quy định cụ thể tại các khế ước nhận nợ nhưng tối đa 09 tháng. Lãi suất: quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Biện pháp đảm bảo là tài sản gắn liền với đất “Nhà điều hành sản xuất, giới thiệu sản phẩm và văn phòng làm việc có quy mô BTCT 14 tầng + áp mái” tạo địa chỉ: 125D Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO888906, số vào sổ cấp GCN:777 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 06/11/2013.

(2) Vay Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng 26 với mục đích vay bổ sung vốn lưu động theo các hợp đồng vay vốn không có tài sản đảm bảo:

- Hợp đồng vay vốn số 2403/2020/HDVV/TCT-COMA26 ngày 24/03/2020, số tiền 900.000.000 đồng, lãi suất vay 9,5%/năm, thời hạn vay đến hết 30/04/2021
- Hợp đồng vay vốn số 2407/2020/HDVV/TCT-COMA26 ngày 24/07/2020, số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất vay 9,5%/năm, thời hạn vay đến hết 30/04/2021
- Hợp đồng vay vốn số 0910/2020/HDVV/TCT-COMA26 ngày 09/10/2020, số tiền 2.500.000.000 đồng, lãi suất vay 9,5%/năm, thời hạn vay đến hết 30/04/2021
- Hợp đồng vay vốn số 0707/2020/HDVV/TCT-COMA26 ngày 07/07/2020, số tiền 10.100.000.000 đồng, lãi suất vay 9,5%/năm, thời hạn vay đến hết 30/04/2021
- Hợp đồng vay vốn số 0505/2020/HDVV/TCT-COMA26 ngày 05/05/2021, số tiền 14.500.000.000 đồng, lãi suất vay 9%/năm, thời hạn vay đến hết 31/10/2021 và được tự động gia hạn nếu Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 26 chưa có nhu cầu rút vốn.

(3) Vay quỹ Khoa học Công nghệ Bộ Xây dựng phát sinh từ năm 1995 để triển khai các dự án tại thời điểm phát sinh khoản vay.

(4) Vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay từ 03 đến 06 tháng và được tự động gia hạn. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	238.500.000.000	(7.239.335.640)	7.658.717.913	10.946.368.209	149.953.433	(313.557.683.446)	64.000.000	14.048.449.196	(49.429.530.335)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	(9.250.312.088)	-	(855.601.801)	(10.105.913.889)
Tặng khác	-	-	-	-	-	(208.858.306)	-	176.749.029	176.749.029
Trích lập các quỹ	-	-	150.439.103	-	-	(195.663.599)	-	(384.808.067)	(443.227.270)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(195.663.599)
Số dư tại 31/12/2020	238.500.000.000	(7.239.335.640)	7.809.157.016	10.946.368.209	149.953.433	(323.212.517.439)	64.000.000	12.984.788.357	(59.997.586.064)
Số dư tại 01/01/2021	238.500.000.000	(7.239.335.640)	7.809.157.016	10.946.368.209	149.953.433	(323.212.517.439)	64.000.000	12.984.788.357	(59.997.586.064)
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	(3.157.697.103)	-	237.893.397	(2.919.803.706)
Điều chỉnh hợp nhất (Dự phòng phát thu khó đòi)	-	-	-	-	-	1.503.664.324	-	-	1.503.664.324
Điều chỉnh hợp nhất (Phân phối nhuận các năm trước)	-	-	-	-	-	404.873.655	-	(404.873.655)	-
Trích lập các quỹ (i)	-	-	16.156.304	-	-	(16.156.304)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(10.770.870)	-	(9.321.413)	(20.092.283)
Chi trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	-	(69.589.500)	(69.589.500)
Tặng/Giảm khác	-	-	(956)	-	-	11.096.660	-	(273.628.606)	(262.532.902)
Số dư tại 30/6/2021	238.500.000.000	(7.239.335.640)	7.825.312.364	10.946.368.209	149.953.433	(324.477.507.077)	64.000.000	12.465.268.580	(61.765.940.131)

(i): Trong kỳ một số Công ty con phân phối lợi nhuận và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông của Công ty.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước (Bộ Xây dựng)	235.552.000.000	235.552.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	2.948.000.000	2.948.000.000
Tổng	238.500.000.000	238.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	238.500.000.000	238.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	238.500.000.000	238.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.850.000	23.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.850.000	23.850.000
Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.850.000	23.850.000
Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	12.592.122.868	13.841.119.525
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.118.821.241	22.659.262.481
Doanh thu lắp đặt, chế tạo	56.213.627.667	62.395.966.133
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	36.023.079.573	55.991.040.659
Doanh thu khác	326.981.319	267.892.222
Tổng	129.274.632.668	155.155.281.020
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	15.030.000	20.809.000
Tổng	15.030.000	20.809.000
Doanh thu thuần		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	12.577.092.868	13.820.310.525
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.118.821.241	22.659.262.481
Doanh thu lắp đặt, chế tạo	56.213.627.667	62.395.966.133
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	36.023.079.573	55.991.040.659
Doanh thu khác	326.981.319	267.892.222
Tổng	129.259.602.668	155.134.472.020
Doanh thu với các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	203.715.455	147.553.763

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	7.929.637.797	11.126.987.579
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.282.329.991	8.211.468.022
Giá vốn lắp đặt, chế tạo	38.073.011.199	45.246.179.749
Giá vốn hợp đồng xây dựng	50.441.887.479	63.328.938.827
Tổng	103.726.866.466	127.913.574.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	109.361.920	273.614.309
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	132.067.122
Tổng	109.361.920	405.681.431

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	4.603.932.778	5.458.319.162
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	247.498.620	77.550.120
Chi phí hoạt động tài chính khác	60.299.766	-
Tổng	4.911.731.164	5.535.869.282
<i>Chi phí tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>67.199.000</i>	<i>15.752.000</i>

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí bán hàng	1.667.785.933	1.633.369.206
Chi phí nhân viên	286.685.507	289.083.742
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	35.477.502	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.927.998	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	955.745.300	-
Chi phí bằng tiền khác	363.949.626	1.344.285.464
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.116.830.710	20.521.195.316
Chi phí nhân viên quản lý	10.084.005.056	11.654.338.513
Chi phí vật liệu quản lý	237.578.684	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	524.154.287	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.179.819.643	1.445.647.531
Thuế phí và lệ phí	3.442.592.796	1.981.311.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.431.203.425	-
Chi phí bằng tiền khác	3.217.476.819	5.439.897.361
Tổng	21.784.616.643	22.154.564.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	724.114.469	633.355.990
Thu tiền phí sang tên, bản vẽ thiết kế dự án Decoimex	-	348.932.149
Thu nhập cho thuê giàn giáo	228.715.163	
Thu nhập khác	167.789.089	427.394.280
Tổng	1.120.618.721	1.409.682.419
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản	4.500.000	-
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	1.952.250.369	2.860.508.644
Chi phí cho thuê giàn giáo	96.278.058	-
Chi phí khác	732.372.925	1.022.368.927
Tổng	2.785.401.352	3.882.877.571
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(1.664.782.631)	(2.473.195.152)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	200.771.390	326.986.637
Tổng	200.771.390	326.986.637

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.919.803.706)	(2.864.036.319)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	237.893.397	(193.400.984)
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.157.697.103)	(2.670.635.335)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	23.850.000	23.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(132)	(112)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	90.330.498.629	45.007.270.693
Chi phí nhân công	29.753.996.541	24.180.287.534
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.412.094.245	6.363.155.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.409.235.268	33.128.368.539
Chi phí khác bằng tiền	8.755.274.447	11.298.255.014
Tổng	151.661.099.130	119.977.337.344

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	822.509.091	290.777.273
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương	628.271.364	705.602.604

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Bán hàng				
Công ty LD đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên kết	Thuê VP và khác	203.715.455	147.553.763
Lãi vay				
Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	Lãi vay	10.798.000	5.487.000
Vũ Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	Lãi vay	56.401.000	10.265.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khác		209.200.000	309.200.000
Công ty TNHH liên doanh đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	209.200.000	309.200.000
Các khoản phải trả phải nộp khác		159.480.000	185.082.000
Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	10.798.000	22.316.000
Vũ Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	148.682.000	162.766.000
Vay ngắn hạn		6.980.000.000	6.980.000.000
Bộ Xây dựng	Đơn vị Chủ sở hữu	5.200.000.000	5.200.000.000
Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	250.000.000	250.000.000
Vũ Xuân Thắng	Thành viên HĐQT	1.530.000.000	1.530.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Hoạt động lắp đặt, chế tạo	Hoạt động bán hàng	Khác	Tổng
Doanh thu	24.118.821.241	36.023.079.573	56.213.627.667	12.577.092.868	326.981.319	129.259.602.668
Giá vốn	7.282.329.991	50.441.887.479	38.073.011.199	7.929.637.797	-	103.726.866.466
Doanh thu	16.836.491.250	(14.418.807.906)	18.140.616.468	4.647.455.071	326.981.319	25.532.736.202
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	16.836.491.250	(14.418.807.906)	18.140.616.468	4.647.455.071	326.981.319	25.532.736.202
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	109.361.920
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	4.911.731.164
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	1.667.785.933
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	20.116.830.710
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	-	-	(1.664.782.631)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	200.771.390
Lợi nhuận trong kỳ						(2.919.803.706)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Hoạt động lắp đặt, chế tạo	Hoạt động bán hàng	Khác	Tổng
Doanh thu	22.659.262.481	55.991.040.659	62.395.966.133	13.820.310.525	267.892.222	155.134.472.020
Giá vốn	8.211.468.022	63.328.938.827	45.246.179.749	11.126.987.579	-	127.913.574.177
Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh	14.447.794.459	(7.337.898.168)	17.149.786.384	2.693.322.946	267.892.222	27.220.897.843
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	14.447.794.459	(7.337.898.168)	17.149.786.384	2.693.322.946	267.892.222	27.220.897.843
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	405.681.431
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	5.535.869.282
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	1.633.369.206
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	20.521.195.316
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	-	-	(2.473.195.152)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	326.986.637
Lợi nhuận trong kỳ						(2.864.036.319)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021 như sau:

	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Hoạt động lắp đặt, chế tạo	Hoạt động bán hàng	Khác	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản bộ phận	33.258.712.650	160.680.730.661	136.965.800.924	62.008.373.824	-	392.913.618.059
Tài sản không phân bổ						561.362.104.937
Tổng tài sản						954.275.722.996
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả bộ phận	13.977.900.256	192.514.849.123	107.388.258.892	47.257.499.592	-	361.138.507.863
Nợ phải trả không thể phân bổ						652.026.547.942
Tổng nợ phải trả						1.013.165.055.805
Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 như sau:						
	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Hoạt động lắp đặt, chế tạo	Hoạt động bán hàng	Khác	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản bộ phận	366.000.000	28.318.092.196	138.734.014.614	66.268.598.479	-	233.686.705.289
Tài sản không phân bổ						709.634.978.827
Tổng tài sản						943.321.684.116
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả bộ phận	1.630.283.229	276.878.290.253	109.330.614.199	49.151.602.397	-	436.990.790.078
Nợ phải trả không thể phân bổ						563.451.872.780
Tổng nợ phải trả						1.000.442.662.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động hợp nhất kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Phụ trách Phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Kiều Thị Nguyệt Nga

Lê Thị Linh Chi

Đào Đức Thọ

